

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1379/2026/DS-PT
Ngày: 17-7-2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Mai.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Huỳnh;
Ông Bùi Ngọc Thạch.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Mỹ Dung - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:* Bà Trần Thị Phước - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 798/2026/TLPT-DS ngày 21/4/2026 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2026/DS-ST ngày 04/02/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3675/2026/QĐ-PT ngày 05 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 9199/2026/QĐ-PT ngày 17 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Đ, sinh năm 1982; địa chỉ: tổ A, ấp C, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Hồng P; địa chỉ: tổ A, khu phố P, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1982; địa chỉ: tổ D, khu phố C, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 2001, địa chỉ thường trú: số A, tổ B, khu phố C, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường B, thành phố Đ); địa chỉ liên hệ: số A, đường B, phường B, thành phố Đ, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1980; địa chỉ: tổ D, khu phố C, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Bà Trương Thị L, sinh năm 1982; địa chỉ: tổ A, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Võ Thị Đ trình bày:

Bà Đ và bà T có mối quan hệ quen biết. Ngày 06/12/2023, bà T cùng chồng là ông Nguyễn Văn H có vay của bà Đ số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 năm và thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 611, tờ bản đồ 42 đứng tên ông Nguyễn Văn H. Bà T đại diện ký tên vào Hợp đồng vay tiền ngày 06/12/2023.

Đến hạn trả nợ ngày 06/12/2024, bà T chỉ trả cho bà Đ số tiền 60.000.000 đồng. Sau đó, bà Đ nhiều lần liên hệ bà T, ông H yêu cầu trả nợ 140.000.000 đồng nhưng bà T, ông H hèn nhung không trả.

Do đó, bà Đ khởi kiện yêu cầu Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn H trả cho bà Võ Thị Đ số tiền gốc 140.000.000 đồng; tiền lãi 24.640.000 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bà Đ thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: Yêu cầu bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Võ Thị Đ số tiền gốc là 140.000.000 đồng và số tiền lãi theo lãi suất chậm trả từ ngày 07/12/2024 đến 07/01/2026 là 140.000.000 đồng x 13 tháng x 0,83%/tháng = 15.106.000 đồng.

- *Bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Khoảng giữa tháng 5/2023, bà T có vay của bà Đ số tiền 200.000.000 đồng nhưng số tiền này bà T vay giùm bạn tên Trương Thị L và số tiền này được chuyển vào tài khoản của bà Trương Thị L. Khi mượn số tiền này, bà T phải đưa bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên chồng bà T là ông Nguyễn Văn H để làm tin. Hàng tháng bà L là người chịu trách nhiệm đóng tiền lãi là 10.000.000 đồng và đã đóng được 20 tháng bằng hình thức chuyển khoản. Sau đó, bà T có trả cho bà Đ số tiền 60.000.000 đồng tiền mặt. Bà L đóng tiền lãi 7.000.000 đồng được 5 tháng thì sau đó không đóng nữa. Tổng số tiền bà T đã trả cho bà Đ là 280.000.000 đồng nên bà T không đồng ý trả số tiền nợ mà bà Đ yêu cầu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H không nộp bản tự khai và không đến Tòa án tham gia các phiên họp.

Người làm chứng bà L trình bày: do bà L có nhiều khoản vay đối với bà Đ nhưng không thực hiện thanh toán được nên nhờ bà T đứng ra vay giùm và dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H (chồng bà T) đưa cho bà Đ để làm tin vay tiền. Bà L thừa nhận số tiền bà T đứng ra vay giùm bà L và bà L cũng đã thanh toán một phần tiền nợ lãi cho bà Đ thông qua tài khoản của bà L, bà T và một số cá nhân khác. Do đó, bà L cam kết chịu trách nhiệm đối với khoản nợ bà T đứng ra vay giùm.

Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2026/DS-ST ngày 04/02/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh, đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Đ về việc buộc ông Nguyễn Văn H có trách nhiệm liên đới với bà Nguyễn Thị T trả số tiền nợ gốc 140.000.000 (một trăm bốn mươi triệu) đồng và tiền lãi 15.106.000 (mười lăm triệu một trăm lẻ sáu nghìn) đồng cho bà Võ Thị Đ.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Đ. Buộc bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Võ Thị Đ số tiền nợ gốc 140.000.000 (một trăm bốn mươi triệu) đồng và tiền lãi 15.106.000 (mười lăm triệu một trăm lẻ sáu nghìn) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Bà Võ Thị Đ có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Văn H bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS07458 ngày 21/4/2022 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Nguyễn Văn H.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06/3/2026, bị đơn bà Nguyễn Thị T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm đối với phần nợ gốc và lãi bà T có nghĩa vụ thi hành.

Nguyên đơn và bị đơn thống nhất thỏa thuận với nhau như sau: buộc bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm thanh toán cho bà Võ Thị Đ số tiền nợ gốc 111.000.000 (một trăm mười một triệu) đồng và tiền lãi 9.000.000 (chín triệu) đồng, tổng cộng 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng. Về án phí dân sự sơ thẩm: nguyên đơn chịu 2.000.000 đồng, bị đơn chịu 4.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Nguyên đơn và bị đơn thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự khác nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa theo Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bị đơn thực hiện trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên đủ điều kiện được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Về sự có mặt của đương sự: người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt ông H theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: bị đơn bà Nguyễn Thị T kháng cáo một phần bản án sơ thẩm đối với nghĩa vụ trả nợ tiền gốc và lãi. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết trong phạm vi kháng cáo của bà T theo quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn thống nhất thỏa thuận với nhau về việc giải quyết tranh chấp, cụ thể: buộc bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm thanh toán cho bà Võ Thị Đ số tiền nợ gốc 111.000.000 (một trăm mười một triệu) đồng và tiền lãi 9.000.000 (chín triệu) đồng, tổng cộng 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng. Về án phí dân sự sơ thẩm: nguyên đơn chịu 2.000.000 đồng, bị đơn chịu 4.000.000 đồng.

[3] Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự khác nên Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa theo Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 147, Điều 148, Điều 296, Điều 300, khoản 2 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị T.
2. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm 25/2026/DS-ST ngày 04/02/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Buộc bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm thanh toán cho bà Võ Thị Đ số tiền nợ gốc 111.000.000 (một trăm mười một triệu) đồng và tiền lãi 9.000.000 (chín triệu) đồng, tổng cộng 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Nguyên đơn bà Võ Thị Đ phải chịu 2.000.000 (hai triệu) đồng án phí, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.000.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0031154 ngày 27/10/2025 và 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0041920 ngày 25/11/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Trả lại cho bà Võ Thị Đ số tiền 2.300.000 (hai triệu ba trăm nghìn) đồng.

3.2. Bị đơn bà Nguyễn Thị T phải chịu 4.000.000 (bốn triệu) đồng.

4. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014350 ngày 09 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP HCM;
- TAND khu vực 17 - TP HCM;
- Phòng THADS khu vực 17 - TP HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, Tòa DS, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Mai